

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH

88---88

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH

NĂM 2017

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	3
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	3
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	3
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, MỤC TIÊU, LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	4
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	4
Điều 3. Mục tiêu hoạt động, lĩnh vực kinh doanh của Công ty	4
III. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN	5
Điều 4. Vốn điều lệ, cổ phần.....	5
Điều 5. Chứng nhận cổ phiếu.....	5
Điều 6. Chuyển nhượng cổ phần.....	6
Điều 7. Thu hồi cổ phần	6
IV. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT	7
Điều 8. Cơ cấu tổ chức, quản lý và kiểm soát.....	7
V. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	7
Điều 9. Quyền của cổ đông.....	7
Điều 10. Nghĩa vụ của cổ đông.....	8
Điều 11. Đại hội đồng cổ đông	8
Điều 12. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	9
Điều 13. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	11
Điều 14. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình và thông báo Đại hội cổ đông	11
Điều 15. Các điều kiện tiến hành Đại hội cổ đông.....	12
Điều 16. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội cổ đông.....	13
Điều 17. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 18. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	15
Điều 19. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	16
Điều 20. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	17
VI. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	17
Điều 21. Thành phần và nhiệm kỳ	17
Điều 22. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị	19
Điều 23. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị	21
Điều 24. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị	22
VII. TỔNG GIÁM ĐỐC, NHỮNG NGƯỜI QUẢN LÝ VÀ THƯ KÝ CÔNG TY	24
Điều 25. Tổ chức bộ máy quản lý	24
Điều 26. Người quản lý	24
Điều 27. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc	25
Điều 28. Thư ký Công ty	26
VIII. BAN KIỂM SOÁT	26
Điều 29. Thành viên Ban Kiểm soát	26



Điều 30. Ban Kiểm soát.....	27
IX. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ	28
Điều 31. Trách nhiệm cân trọng của Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý cấp cao.....	28
Điều 32. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	28
Điều 33. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	29
X. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY:.....	30
Điều 34. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	30
XI. NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN	31
Điều 35. Người lao động và Công đoàn.....	31
XII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	31
Điều 36. Phân phối lợi nhuận.....	31
XIII. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, CÁC QUỸ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	31
Điều 37. Tài khoản ngân hàng	31
Điều 38. Trích lập các quỹ.....	32
Điều 39. Năm tài chính.....	32
Điều 40. Chế độ kế toán	32
XIV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	32
Điều 41. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý	32
Điều 42. Báo cáo thường niên và công bố thông tin.....	33
XV. KIỂM TOÁN CÔNG TY	33
Điều 43. Kiểm toán	33
XVI. CON DẤU.....	33
Điều 44. Con dấu.....	33
XVII.CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	33
Điều 45. Chấm dứt hoạt động	33
Điều 46. Thanh lý.....	34
XVIII.GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	34
Điều 47. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	34
XIX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	35
Điều 48. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ.....	35
XX. NGÀY HIỆU LỰC	35
Điều 49. Ngày hiệu lực.....	35
Điều 50. Chữ ký của người Đại diện theo pháp luật của Công ty.	35

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho hoạt động của Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh (dưới đây gọi là “Công ty”). Điều lệ này cùng với các quy định của Công ty, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị được thông qua một cách hợp lệ, phù hợp với pháp luật là những quy tắc, quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết hợp lệ của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tổ chức vào ngày 18 tháng 4 năm 2017.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. “Luật Doanh nghiệp”: Là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
 - b. “Giấy chứng nhận nhân thân”: Là Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác;
 - c. “Người Quản trị Công ty”: Là các thành viên Hội đồng Quản trị;
 - d. “Người quản lý cấp cao”: Là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng;
 - e. “Người quản lý cấp trung”: Là trưởng, phó các bộ phận (phòng, ban, nhà máy);
 - f. “Người quản lý cấp cơ sở”: Là tổ trưởng các tổ hoặc tương đương;
 - g. “Đại hội cổ đông”: Là cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông.
2. Người có liên quan là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Công ty trong các trường hợp sau đây:
 - a. Công ty mẹ, người quản lý Công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý đối với các công ty con trong nhóm Công ty;
 - b. Công ty con đối với Công ty mẹ trong nhóm Công ty;
 - c. Người hoặc nhóm người có khả năng chi phối việc ra quyết định, hoạt động của Công ty;
 - d. Người quản lý Công ty, người quản lý cấp cao của Công ty;
 - e. Vợ, chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý Công ty và người quản lý cấp cao của Công ty hoặc của thành viên, cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối của Công ty;
 - f. Cá nhân được ủy quyền đại diện cho những người, những công ty quy định tại các điểm a, b, c, d và e khoản này;
 - g. Doanh nghiệp mà trong đó có những người, những công ty quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f và h khoản này có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của Công ty;
 - h. Nhóm người thỏa thuận cùng phối hợp để thu tóm phần vốn góp, cổ phần hoặc lợi ích ở Công ty hoặc để chi phối việc ra quyết định của Công ty.

3. Trong Điều lệ này, khi tham chiếu tới bất kỳ một điều khoản hoặc một văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.
4. Các tiêu đề được sử dụng chỉ nhằm thuận tiện cho việc theo dõi, hiểu nội dung mà không làm ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.
5. Các từ hoặc thuật ngữ nào được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, MỤC TIÊU, LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên hợp pháp của Công ty bằng tiếng Việt:
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH
Tên hợp pháp của Công ty bằng tiếng Anh:
BINH MINH PLASTICS JOINT - STOCK COMPANY
Tên viết tắt của Công ty: **BM PLASCO**
2. Công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
3. Trụ sở đăng ký của Công ty:
 - Địa chỉ : 240 Hậu Giang, Phường 9, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.
 - Điện thoại : 84.28. 3969 0973.
 - Fax : 84.28. 3960 6814.
 - E-mail : binhminhplas@hcm.fpt.vn
 - Website : www.binhminhplastic.com.vn
4. Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật của Công ty.
5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để hỗ trợ các mục tiêu của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng Quản trị và trong phạm vi pháp luật cho phép.
6. Trừ khi chấm dứt hoạt động theo Điều 45 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn, bắt đầu từ ngày thành lập.

Điều 3. Mục tiêu hoạt động, lĩnh vực kinh doanh của Công ty

1. Mục tiêu hoạt động của Công ty: Huy động và sử dụng đồng vốn có hiệu quả, không ngừng phát triển các nguồn lực, cải tiến chất lượng, nâng cao năng lực cạnh tranh nhằm thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao của khách hàng, cải thiện điều kiện làm việc, ổn định cuộc sống cho người lao động, bảo đảm lợi ích hợp pháp của các cổ đông, đáp ứng được các yêu cầu bền vững về mặt sinh thái và làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước.
2. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty:
 - Sản xuất kinh doanh các sản phẩm dân dụng và công nghiệp từ chất dẻo và cao su;
 - Thiết kế, chế tạo, kinh doanh khuôn mẫu ngành nhựa, ngành đúc;

- Sản xuất, kinh doanh máy móc thiết bị, vật tư, thiết bị vệ sinh cho ngành xây dựng, trang trí nội thất;
- Tư vấn và thi công các công trình xây dựng ngành cấp thoát nước, sân bãi, kho tàng;
- Dịch vụ giám định, phân tích kiểm nghiệm ngành hóa chất;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu nguyên liệu, hóa chất, vật tư, máy móc thiết bị ngành nhựa, cơ khí, xây dựng, cấp thoát nước, thiết bị thí nghiệm;
- Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với quy định của pháp luật.

III. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 4. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công ty là 454.784.800.000 đồng (Bốn trăm năm mươi bốn tỷ bảy trăm tám mươi bốn triệu tám trăm nghìn đồng).
2. Tổng số Vốn Điều lệ của Công ty được chia thành 45.478.480 cổ phần phổ thông với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phần.
3. Công ty có thể tăng hoặc giảm vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật. Vốn điều lệ mới sẽ được thể hiện trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thay đổi gần nhất của Công ty.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Chào bán cổ phần: Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng Quản trị Công ty quyết định. Hội đồng Quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng Quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp cổ phần đó được bán qua Sở Giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.
6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo quy định của pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ, Hội đồng Quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.
7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 5. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Chứng nhận cổ phiếu có dấu của Công ty và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3. Cổ đông có thể chuyển quyền sở hữu cổ phần của mình theo quy định của Công ty.
4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác, cổ đông có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
5. Chứng chỉ chứng khoán khác: Công ty có thể phát hành chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), trên đó có dấu và chữ ký của Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Điều 6. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần đều được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp Điều lệ Công ty và pháp luật về chứng khoán có quy định rõ về việc hạn chế chuyển nhượng cổ phần và số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng tương ứng.
2. Việc chuyển nhượng cổ phần được thực hiện theo quy định của Công ty hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
3. Cổ đông có quyền định đoạt một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình (cho tặng, để lại thừa kế...) theo quy định của pháp luật hiện hành.
4. Trường hợp cổ đông chỉ chuyển nhượng một số cổ phần trong chứng nhận cổ phiếu, thì chứng nhận cũ sẽ được hủy bỏ và cổ đông sẽ được cấp miễn phí chứng nhận cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần còn lại.
5. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.

Điều 7. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn đối với số cổ phần đã đăng ký mua, Hội đồng Quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng Quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần chưa bán. Hội đồng Quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng Quản trị thấy là phù hợp. Trường hợp không bán hết số cổ phần bị thu hồi, Công ty phải đăng ký điều chỉnh vốn điều lệ bằng giá trị mệnh giá số cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền



lãi theo quy định hiện hành kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán theo quyết định của Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.

6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

IV. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 8. Cơ cấu tổ chức, quản lý và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức của Công ty bao gồm:

- a. Đại hội đồng cổ đông;
- b. Hội đồng Quản trị;
- c. Ban Kiểm soát;
- d. Tổng Giám đốc.

V. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 9. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự và phát biểu trong các Đại hội cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;
 - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
 - d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà mình đang sở hữu;
 - e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông đó trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty sau khi Công ty thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật.
 - h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình trong các trường hợp được quy định trong Luật Doanh nghiệp.
 - i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có thêm các quyền sau:
- Đề cử người vào Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều lệ này;
 - Yêu cầu triệu tập Đại hội cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - Hội đồng Quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao.
 - Nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị đã vượt quá sáu (06) tháng mà Hội đồng Quản trị mới chưa được bầu thay thế.
 - Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội cổ đông;
 - Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, giấy chứng nhận nhân thân đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp hiện hành.

Điều 10. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

- Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị;
- Tham gia các Đại hội cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng Quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội cổ đông;
- Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định;
- Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;
- Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;
- Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - Vi phạm pháp luật;
 - Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

Điều 11. Đại hội đồng cổ đông

- Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần trong thời hạn không quá bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trong trường hợp đặc biệt có thể gia hạn nhưng không được quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Đại

hội cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Ngoài Đại hội cổ đông thường niên, Công ty có thể tổ chức Đại hội cổ đông bất thường.

2. Địa điểm tổ chức Đại hội cổ đông phải phù hợp và ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp tổ chức đồng thời tại nhiều điểm khác nhau, thì địa điểm tổ chức Đại hội cổ đông được xác định là nơi Chủ tọa tham dự họp.
3. Hội đồng Quản trị phải triệu tập Đại hội cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Khi vốn chủ sở hữu đã bị mất đi một nửa (1/2) so với số đầu kỳ trong các báo cáo tài chính quý, sáu tháng, năm.
 - c. Khi số thành viên của Hội đồng Quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định trong Điều lệ.
 - d. Khi cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên yêu cầu triệu tập Đại hội cổ đông bằng văn bản. Văn bản yêu cầu phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan;
 - e. Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;
 - f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
4. Thời hạn triệu tập Đại hội cổ đông bất thường:
 - a. Hội đồng Quản trị phải triệu tập Đại hội cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng Quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định trong Điều lệ hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d, e khoản 3 Điều này.
 - b. Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập Đại hội cổ đông theo quy định trên thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát phải thay thế Hội đồng Quản trị triệu tập Đại hội cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
 - c. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập Đại hội cổ đông theo quy định trên thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại khoản 3 của Điều này có quyền thay thế Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát triệu tập Đại hội cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

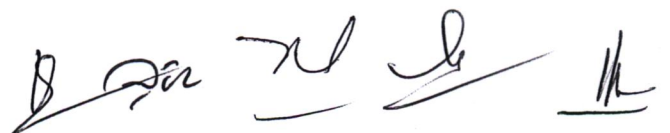
Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập Đại hội cổ đông có quyền đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 12. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

1. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Thông qua định hướng phát triển Công ty;

- b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên;
 - d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
 - f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - j. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên thảo luận thông qua và quyết định những vấn đề sau đây:
- a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính hằng năm;
 - c. Báo cáo của Hội đồng Quản trị về công tác quản trị Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị và từng thành viên Hội đồng Quản trị;
 - d. Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị và Tổng giám đốc;
 - e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;
 - f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền;
 - h. Tiền thù lao, tiền thưởng của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát;
 - i. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
 - j. Việc Chủ tịch Hội đồng Quản trị đồng thời làm Tổng Giám đốc;
 - k. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát gây hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - l. Lựa chọn danh sách công ty kiểm toán.
 - m. Việc ký kết hợp đồng với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty với những đối tượng theo Luật Doanh nghiệp quy định.
 - n. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này.
3. Cổ đông không được biểu quyết trong các trường hợp sau đây:
- a. Các hợp đồng quy định tại khoản 2 của Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan là một bên của hợp đồng;
 - b. Việc Công ty mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở Giao dịch chứng khoán.
4. Tất cả các nghị quyết và vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội cổ đông.



Điều 13. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể uỷ quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được uỷ quyền cho mỗi người đại diện.
2. Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
 - a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người uỷ quyền thì giấy uỷ quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và người được uỷ quyền dự họp;
 - b. Trường hợp người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức là người uỷ quyền thì giấy uỷ quyền phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp;
 - c. Trong trường hợp khác thì giấy uỷ quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp.

Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người uỷ quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy uỷ quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy uỷ quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền;
 - c. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

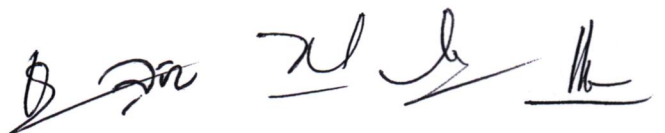
Điều 14. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình và thông báo Đại hội cổ đông

1. Hội đồng Quản trị sẽ triệu tập Đại hội cổ đông trừ các trường hợp quy định tại Điều 11 của Điều lệ này.
2. Người triệu tập Đại hội cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
 - a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - c. Thông báo cho tất cả các cổ đông về Đại hội và gửi thư mời tham dự Đại hội đồng cổ đông.

3. Thông báo Đại hội cổ đông phải được gửi trước ít nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc Đại hội cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Thông báo Đại hội cổ đông được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.
4. Thông báo Đại hội cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại Đại hội. Đối với các cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo Đại hội cổ đông có thể được gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch chứng khoán, trên trang thông tin điện tử của Công ty. Đối với các cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo Đại hội cổ đông có thể được gửi đến bằng cách chuyển tận tay hoặc qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin.
5. Việc gửi tài liệu họp theo thông báo mời họp quy định tại khoản 3 Điều này có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và Công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu.
6. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình Đại hội. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi đến cấp triệu tập ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ và nội dung đề nghị đưa vào Chương trình Đại hội.
7. Người triệu tập Đại hội cổ đông chỉ có quyền từ chối những đề xuất nêu trên nếu:
 - a. Đề xuất không được gửi đúng thời hạn;
 - b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu dưới 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng;
 - c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền bàn bạc và thông qua của Đại hội đồng cổ đông.
 - d. Đề xuất không có những thông tin cần thiết.
8. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết trong Chương trình Đại hội.
9. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tại Đại hội cổ đông, thì những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

Điều 15. Các điều kiện tiến hành Đại hội cổ đông

1. Đại hội cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự nắm giữ ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội, Đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định Đại hội cổ đông lần thứ nhất. Đại hội cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có số cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự nắm giữ ít nhất 51%, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.



3. Trường hợp Đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội, Đại hội cổ đông lần thứ ba được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành Đại hội cổ đông lần thứ hai. Đại hội này được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông hay đại diện được ủy quyền tham dự, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội cổ đông lần thứ nhất.
4. Theo đề nghị của Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp.

Điều 16. Thê thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội cổ đông

1. Vào ngày tổ chức Đại hội cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi thông tin của cổ đông và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội sẽ đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ của từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát việc kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu không quá ba người.
3. Cổ đông đến dự Đại hội muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự không bị ảnh hưởng.
4. Chủ tịch Hội đồng Quản trị làm chủ tọa các Đại hội cổ đông do Hội đồng Quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc là thành viên Hội đồng quản trị được các thành viên khác bầu ra làm chủ tọa. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trường Ban Kiểm soát phải điều khiển để Đại hội bầu ra chủ tọa và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa của Đại hội cổ đông.
5. Trong các trường hợp khác, người đứng tên triệu tập Đại hội cổ đông điều khiển Đại hội bầu chủ tọa và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa Đại hội. Chương trình và nội dung Đại hội phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội cổ đông.
6. Chủ tọa có quyền hoãn Đại hội khi có sự nhất trí của Đại hội đồng cổ đông dù đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định.
7. Chủ tọa có quyền hoãn Đại hội cổ đông dù đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:
 - a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b. Các phương tiện thông tin tại địa điểm tổ chức Đại hội không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c. Có người tham dự cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho Đại hội không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

- Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày, kể từ ngày Đại hội dự định khai mạc.
8. Chủ tọa của Đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển Đại hội một cách hợp lệ và có trật tự, đúng chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự.
 9. Hội đồng Quản trị có quyền yêu cầu tất cả người tham dự chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự Đại hội; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của Đại hội hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi Đại hội cổ đông;
 10. Hội đồng Quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể tiến hành các biện pháp được cho là thích hợp để:
 - d. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp;
 - e. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
 - f. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự Đại hội.Hội đồng Quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
 11. Trong trường hợp tại Đại hội cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trên, Hội đồng Quản trị khi xác định địa điểm Đại hội có thể:
 - a. Thông báo Đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và Chủ tọa Đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của Đại hội”);
 - b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của Đại hội có thể đồng thời tham dự Đại hội;
 - c. Thông báo về việc tổ chức Đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.
 12. Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội cổ đông trái với quy định trên đây, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế Chủ tọa điều hành Đại hội cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại Đại hội đó không bị ảnh hưởng.

Điều 17. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự tán thành:
 - a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - e. Tổ chức lại, giải thể Công ty.
2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này.
3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo Quy chế bầu cử của Công ty.



4. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi Nghị quyết được thông qua.

Điều 18. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

1. Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
2. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết theo địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng Quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi chậm nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến;
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Công ty;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, giấy chứng thực nhân thân của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Người đại diện theo pháp luật của Công ty;
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo một trong các hình thức sau đây:
 - a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b. Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;
5. Hội đồng Quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Các vấn đề đã được thông qua;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Người đại diện theo pháp luật của Công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng Quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

- 6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi kết thúc kiểm phiếu;
- 7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;
- 8. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết tán thành.
- 9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 19. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Đại hội cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản Đại hội cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội cổ đông;
 - c. Chương trình và nội dung Đại hội;
 - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến Đại hội cổ đông và các ý kiến phát biểu tại Đại hội về từng vấn đề trong nội dung chương trình Đại hội;
 - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông tham dự với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự;
 - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.
- 1. Biên bản Đại hội cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.
 - 2. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Biên bản Đại hội cổ đông phải được đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi bốn (24) giờ sau khi kết thúc Đại hội

Biên bản Đại hội cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký tham dự, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 20. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản Đại hội cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có quyền yêu cầu tòa án hoặc trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại Điều 14 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu tòa án hoặc trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi tòa án, trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của tòa án hoặc trọng tài, người triệu tập Đại hội cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội trong vòng sáu mươi (60) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

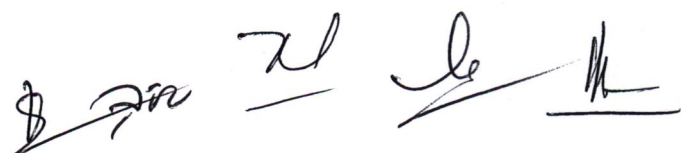
VI. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Thành phần và nhiệm kỳ

Số lượng thành viên của Hội đồng Quản trị ít nhất là 5 người và nhiều nhất là 11 người. Nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị là năm (05) năm. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng Quản trị độc lập phải chiếm tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị.

1. Tiêu chuẩn ứng cử thành viên Hội đồng Quản trị:
 - a. Từ 18 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Là cổ đông cá nhân sở hữu trên 5% vốn điều lệ của Công ty hoặc là cá nhân có trình độ chuyên môn, khả năng, kinh nghiệm quản lý, kinh doanh trong lĩnh vực ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty;
 - c. Được cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng từ sáu (06) tháng liên tục trở lên đề cử;
 - d. Có sức khỏe và phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức chấp hành pháp luật.
 - e. Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị công ty khác.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập là thành viên Hội đồng Quản trị khi đáp ứng các yêu cầu sau:

- a. Là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành và không phải là người có liên quan với Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó giám đốc (Phó Tổng giám đốc), Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm;
 - b. Không phải là thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng giám đốc) của các công ty con, công ty liên kết, công ty do công ty niêm yết nắm quyền kiểm soát trong ba (03) năm gần nhất;
 - c. Không phải là cổ đông lớn hoặc người đại diện của cổ đông lớn hoặc người có liên quan của cổ đông lớn của công ty;
 - d. Không phải là người làm việc tại các tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn pháp luật, kiểm toán cho công ty trong hai (02) năm gần nhất;
 - e. Không phải là đối tác hoặc người liên quan của đối tác có giá trị giao dịch hàng năm với công ty chiếm từ ba mươi phần trăm (30%) trở lên tổng doanh thu hoặc tổng giá trị hàng hoá, dịch vụ mua vào của công ty trong hai (02) năm gần nhất.
3. Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập phải thông báo cho Hội đồng Quản trị về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị đó trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.
 4. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng Quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.
 5. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng Quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng Quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng Quản trị đương nhiệm đề cử ứng viên Hội đồng Quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.
 6. Thành viên Hội đồng Quản trị sẽ không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:
 - a. Thành viên đó không còn đủ tư cách làm thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị pháp luật cấm không được làm thành viên Hội đồng Quản trị;
 - b. Thành viên đó gửi văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;
 - c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Hội đồng Quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ thành viên đó không còn năng lực hành vi;

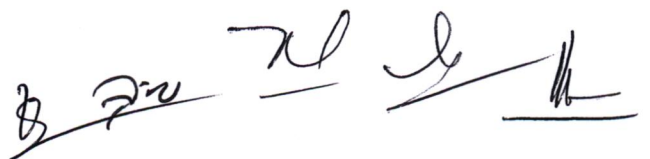


- d. Thành viên đó vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị và Hội đồng Quản trị quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống;
 - e. Thành viên đó bị cách chức theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
7. Hội đồng Quản trị có thể bổ sung thành viên mới khi:
- a. Để thay vào chỗ trống phát sinh trong Hội đồng Quản trị;
 - b. Thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng Quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng Quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.
8. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng Quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
9. Thành viên Hội đồng Quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.

Điều 22. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị

- 1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- 2. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác.
- 3. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể như sau:
 - a. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách chi tiêu hằng năm;
 - b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - c. Thông qua hợp đồng mua, bán, cho vay và hợp đồng khác có giá trị lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng quy định tại Điều 162 của Luật Doanh nghiệp;
 - d. Quyết định tổng quỹ lương hằng năm của Công ty;
 - e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, đình chỉ, quyết định mức lương và các lợi ích khác của Tổng Giám đốc;
 - f. Cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác, quyết định mức thù lao và các lợi ích khác của họ;

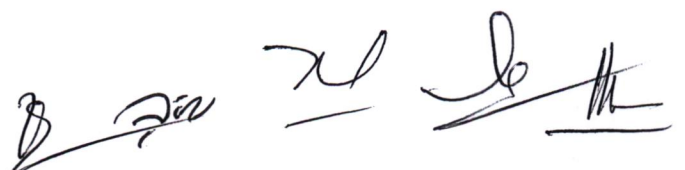
- g. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, đình chỉ, quyết định mức lương và các lợi ích khác của các người quản lý cấp cao khác theo đề nghị của Tổng Giám đốc;
 - h. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - i. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó;
 - j. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
 - k. Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
 - l. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;
 - m. Đề xuất mức cổ tức hằng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;
 - n. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty.
4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng Quản trị phê chuẩn:
- a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;
 - b. Thành lập các công ty con của Công ty;
 - c. Trong phạm vi quy định tại Điều 149 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điều 162 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng Quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê, mua Công ty và liên doanh);
 - d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và luật sư của Công ty;
 - e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
 - f. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch vượt quá 10% giá trị ngân sách đầu tư theo kế hoạch hằng năm;
 - g. Việc mua hoặc bán cổ phần của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
 - h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - i. Việc Công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;
 - j. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng Quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;
 - k. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.
5. Hội đồng Quản trị phải báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể về việc giám sát của Hội đồng Quản trị đối với Tổng Giám đốc và những người quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng Quản trị không trình



- báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng Quản trị thông qua.
6. Hội đồng Quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và các người quản lý đại diện và hành động thay mặt cho Công ty.
 7. Các thành viên Hội đồng Quản trị được nhận thù lao cho công việc của họ với tư cách là thành viên Hội đồng Quản trị. Mức thù lao cho mỗi thành viên sẽ do Hội đồng Quản trị quyết định.
 8. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng Quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng Quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Các khoản trong tổng số tiền trả nêu trên có thể được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh hằng năm của Công ty theo quy định của pháp luật.
 9. Ngoài thù lao dành cho vị trí thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng kiêm nhiệm vị trí quản lý khác trong Công ty có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị.
 10. Các thành viên của Hội đồng Quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi phí hợp lý khác khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, kể cả chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
 11. Hội đồng Quản trị có thể thành lập và ủy quyền cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng Quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng Quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các tiểu ban phải tuân thủ quy định mà Hội đồng Quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng Quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng Quản trị.
 12. Việc thực thi quyết định của Hội đồng Quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng Quản trị có thể có sai sót.

Điều 23. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng Quản trị để bầu ra một (01) Chủ tịch và một (01) Phó Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có thể kiêm chức Tổng Giám đốc Công ty nếu được các cổ đông chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông. Quyết định này cần phải được khẳng định lại hằng năm vào kỳ Đại hội cổ đông thường niên.
2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập và chủ tọa Đại hội cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Quy chế quản trị Công ty, Điều lệ này và theo Luật Doanh nghiệp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ thì Phó

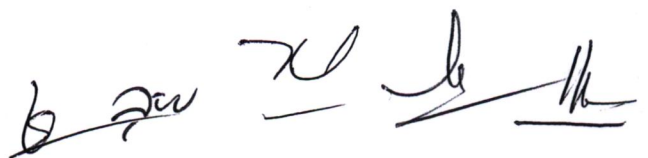


Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch đều vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ vì một lý do nào đó thì các thành viên còn lại phải chọn một người trong số họ để tạm thời thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.

3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng Quản trị gửi báo cáo tài chính hằng năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng Quản trị cho các cổ đông tại Đại hội cổ đông.
4. Khi cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị từ chức hay bị bãi miễn thì trong vòng mười (10) ngày Hội đồng Quản trị phải bầu người thay thế.

Điều 24. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị phải tiến hành cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên sẽ bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng Quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng Quản trị thường kỳ, chuẩn bị chương trình nghị sự, thời gian, địa điểm và hình thức họp ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý một lần.
3. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị bất thường, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng sau đây đề nghị họp bằng văn bản, trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:
 - a. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý cấp trung,
 - b. Ít nhất hai thành viên Hội đồng Quản trị;
 - c. Chủ tịch Hội đồng Quản trị;
 - d. Đa số thành viên trong Ban Kiểm soát.
4. Cuộc họp Hội đồng Quản trị bất thường như trên phải được tiến hành trong vòng bảy (07) ngày sau khi có đề xuất họp. Nếu Chủ tịch Hội đồng Quản trị không chấp nhận triệu tập cuộc họp, thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; đồng thời những người đề nghị tổ chức cuộc họp đề cập ở khoản 3 Điều này có thể tự triệu tập họp Hội đồng Quản trị.
5. Trường hợp có yêu cầu của Công ty kiểm toán độc lập, Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
6. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành và thông qua các nghị quyết khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng Quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền).
7. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp.
8. Các cuộc họp Hội đồng Quản trị sẽ được tiến hành ở một địa điểm theo quyết định của Chủ tịch và được sự nhất trí của Hội đồng Quản trị.



9. Thông báo họp phải được gửi đến thành viên Hội đồng Quản trị ít nhất năm (05) ngày trước cuộc họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp được viết bằng tiếng Việt và phải nêu rõ chương trình họp, thời gian, địa điểm họp và phải gửi kèm theo nội dung những vấn đề sẽ được bàn bạc, biểu quyết tại cuộc họp và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng Quản trị không thể dự họp.
- Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng Quản trị được đăng ký tại Công ty.
10. Biểu quyết:
- a. Trừ quy định tại khoản 9 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng Quản trị tại cuộc họp Hội đồng Quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;
 - b. Thành viên Hội đồng Quản trị sẽ không được biểu quyết về các hợp đồng hoặc giao dịch, đề xuất nào mà thành viên đó hoặc người liên quan đến thành viên đó có lợi ích và lợi ích này mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng Quản trị sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt tại cuộc họp về bất kỳ quyết nghị nào mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
 - c. Theo quy định tại khoản 9 Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng Quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng Quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của Chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;
 - d. Bất kỳ thành viên Hội đồng Quản trị nào hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 32 của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.
11. Thành viên Hội đồng Quản trị được hưởng lợi trực tiếp hoặc gián tiếp từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã hoặc sẽ được ký kết với Công ty phải công khai bản chất, nội dung lợi ích đó trong cuộc họp đầu tiên mà Hội đồng Quản trị xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp Hội đồng Quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết về lợi ích của mình.
12. Hội đồng Quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng Quản trị có mặt (trên 50%). Nếu số phiếu tán thành và phản đối ngang nhau, lá phiếu của Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ là lá phiếu quyết định.
13. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có thể tổ chức họp theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng Quản trị khi các thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
- a. Nghe từng thành viên Hội đồng Quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời ;

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp, qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, mỗi thành viên Hội đồng Quản trị tham gia họp trong một cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Cuộc họp được tổ chức theo quy định này được coi là diễn ra tại địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng Quản trị đông nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy thì địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện sẽ được coi là địa điểm tổ chức cuộc họp.

Các nghị quyết được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng chữ ký trong biên bản của mọi thành viên Hội đồng Quản trị tham dự cuộc họp này.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng Quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết bằng văn bản phải được ký bởi tất cả những thành viên Hội đồng Quản trị sau đây:
 - a. Thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng Quản trị;
 - b. Số lượng những thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng Quản trị.

Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như là một nghị quyết được các thành viên Hội đồng Quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức như thường lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó được một thành viên trở lên ký.

15. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng Quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng Quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị tham dự cuộc họp hoặc được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng Quản trị tham gia cuộc họp.

VII. TỔNG GIÁM ĐỐC, NHỮNG NGƯỜI QUẢN LÝ VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 25. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng Quản trị. Công ty có một (01) Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và một (01) Kế toán trưởng do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm. Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng có thể đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm các chức danh này phải thực hiện bằng nghị quyết Hội đồng Quản trị được thông qua một cách hợp thức.

Điều 26. Người quản lý

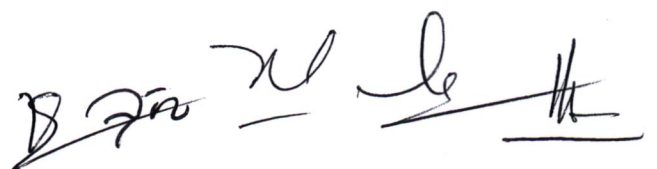
1. Tổng Giám đốc, sau khi tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị, được tuyển dụng, bổ nhiệm đội ngũ người quản lý các cấp, với chất lượng và số lượng cần thiết, phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý Công ty do Hội đồng Quản trị thông qua. Người

quản lý phải có sự miễn cưỡng cần thiết để tổ chức, thực hiện các hoạt động của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

2. Mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc do Hội đồng Quản trị quyết định và hợp đồng lao động của những người quản lý cấp cao khác sẽ do Hội đồng Quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc.

Điều 27. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng Quản trị hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc phù hợp với quy định của pháp luật; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản liên quan khác. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội cổ đông thường niên và trong Báo cáo thường niên của Công ty.
2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm, trừ khi Hội đồng Quản trị có quy định khác trong hợp đồng lao động. Việc tái bổ nhiệm được phép thực hiện.
3. Tổng Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:
 - a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng Quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
 - c. Kiến nghị số lượng và cơ cấu những người quản lý cấp cao mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng Quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm. Tư vấn đề Hội đồng Quản trị quyết định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của người quản lý cấp cao;
 - d. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, đình chỉ các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị;
 - e. Quyết định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động đối với Người lao động trong Công ty kể cả các chức danh quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;
 - f. Chậm nhất đến ngày 30 tháng 11 hằng năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng Quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở phù hợp với ngân sách và kế hoạch tài chính ba (03) năm của Công ty;
 - g. Đề xuất những biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý của Công ty;
 - h. Chuẩn bị các dự toán dài hạn, hằng năm và các báo cáo hằng tháng, quý của Công ty phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hằng năm và hằng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bảng dự toán, báo cáo hằng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình cho Hội đồng Quản trị để thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;



- i. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng Quản trị, quy định của Điều lệ này và các quy định của pháp luật.
4. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo cho các cấp này khi được yêu cầu.
5. Hội đồng Quản trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc mới thay thế với đa số thành viên Hội đồng biểu quyết tán thành (không kể biểu quyết của Tổng Giám đốc trong trường hợp Tổng Giám đốc là thành viên Hội đồng Quản trị).

Điều 28. Thư ký Công ty

Hội đồng Quản trị sẽ chỉ định một (01) hoặc nhiều người làm thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị có thể bãi nhiệm thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định của pháp luật về lao động hiện hành. Hội đồng Quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều trợ lý thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của thư ký Công ty bao gồm:

- a. Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng Quản trị;
- b. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- c. Tham dự và làm biên bản các cuộc họp;
- d. Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng Quản trị phù hợp với luật pháp.
- e. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng Quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.

Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

VIII. BAN KIỂM SOÁT

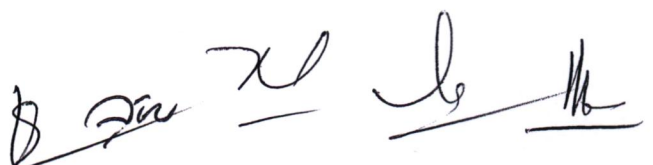
Điều 29. Thành viên Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát có từ ba (03) đến năm (05) thành viên. Trong đó phải có ít nhất một (01) thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán hoặc kiểm toán viên. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán cho Công ty. Các thành viên Ban Kiểm soát không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc hoặc các cán bộ quản lý khác của Công ty, Ban Kiểm soát bầu một người trong số họ làm Trưởng ban. Trưởng ban Kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán, có các quyền và trách nhiệm sau:
 - a. Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng Ban Kiểm soát;
 - b. Yêu cầu Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo cho các thành viên của Ban Kiểm soát;
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.

2. Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban Kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.
3. Tiêu chuẩn ứng cử thành viên Ban Kiểm soát:
 1. Thành viên Ban Kiểm soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
 - b. Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác.
 - c. Thành viên Ban Kiểm soát không được giữ các chức vụ quản lý Công ty. Thành viên Ban Kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.
4. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy chế được Công ty quy định. Quy chế này phải được công bố và được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.
5. Các thành viên của Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm, nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát là năm (05) năm; thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
6. Thành viên Ban Kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:
 - a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban Kiểm soát;
 - b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty;
 - c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban Kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban Kiểm soát liên tục trong vòng sáu tháng liên tục, và trong thời gian này Ban Kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
 - e. Thành viên đó bị cách chức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 30. Ban Kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông bầu ra Ban Kiểm soát, thành viên Ban Kiểm soát có những trách nhiệm và quyền hạn theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu như sau:
 - a. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập;
 - b. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;



- c. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Công ty với kinh nghiệm, trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Công ty nếu cần thiết;
 - d. Kiểm tra các báo cáo tài chính hằng năm, sáu tháng và hằng quý trước khi đệ trình Hội đồng Quản trị;
 - e. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
 - f. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của cán bộ quản lý Công ty;
 - g. Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng Quản trị chấp thuận;
 - h. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của các cán bộ quản lý Công ty.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát. Thư ký Hội đồng Quản trị phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng Quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng Quản trị được cung cấp cho thành viên Ban Kiểm soát phải giống nhau.
 3. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban Kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban Kiểm soát. Ban Kiểm soát phải họp tối thiểu hai lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là 2/3 số thành viên của Ban Kiểm soát.
 4. Mức thù lao của các thành viên Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên của Ban Kiểm soát được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban Kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban Kiểm soát. Mức thù lao này được tính vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh hằng năm của Công ty.

IX. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ

Điều 31. Trách nhiệm cẩn trọng của Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý cấp cao.

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý cấp cao có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng Quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với mức độ cẩn trọng cần thiết mà bất kỳ một người thận trọng nào cũng cần phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 32. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý cấp cao không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì lợi ích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý cấp cao có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng Quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.
3. Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý cấp cao và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý cấp cao, hoặc những người liên quan đến họ hoặc Công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà những đối tượng trên hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:
 - a. Đối với những hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng tài sản được ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất của Công ty, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của người quản lý cấp cao hoặc thành viên Hội đồng Quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng Quản trị. Đồng thời, Hội đồng Quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;
 - b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% tổng tài sản được ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất của Công ty, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của người quản lý cấp cao hoặc thành viên Hội đồng Quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;
 - c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng Quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện.
5. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý cấp cao hay người có liên quan của họ không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.
6. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, người quản lý cấp cao, cấp trung của Công ty chỉ được tham gia ứng cử là thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Hội đồng thành viên, Ban Tổng Giám đốc của các tổ chức sản xuất kinh doanh khác có cùng ngành nghề kinh doanh với Công ty khi được sự biểu quyết đồng ý của Hội đồng Quản trị Công ty;

Điều 33. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

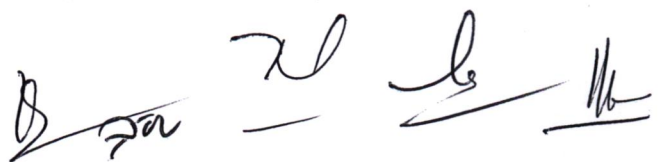
1. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mất cân và năng lực chuyên môn cần thiết phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:
 - a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;
 - b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

X. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY:

Điều 34. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng sáu (06) tháng liên tục trở lên có quyền trực tiếp hoặc qua đại diện được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách các cổ đông, các biên bản Đại hội cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý cấp cao có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan đến chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết, biên bản họp Đại hội cổ đông và Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các giấy tờ khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
4. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.



XI. NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 35. Người lao động và Công đoàn

Tổng Giám đốc phải thông qua Hội đồng Quản trị các chính sách liên quan đến việc tuyển dụng, cho thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người quản lý các cấp. Cũng như thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với tổ chức Công đoàn theo những thông lệ và quy định của pháp luật hiện hành

XII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

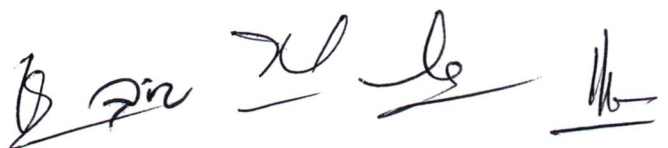
Điều 36. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hằng năm từ lợi nhuận giữ lại của Công ty.
2. Hội đồng Quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.
3. Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
4. Hội đồng Quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng Quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.
5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký.
6. Hội đồng Quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIII. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, CÁC QUỸ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 37. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo quy định của pháp luật với sự chấp thuận của các cơ quan có thẩm quyền.



3. Công ty tiến hành việc thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 38. Trích lập các quỹ

Hằng năm Công ty phải trích lập quỹ công đoàn, quỹ dự phòng theo quy định của pháp luật.

Công ty trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ đầu tư phát triển hằng năm theo Quy chế hoặc nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 39. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày thứ 31 tháng 12 của năm đó.

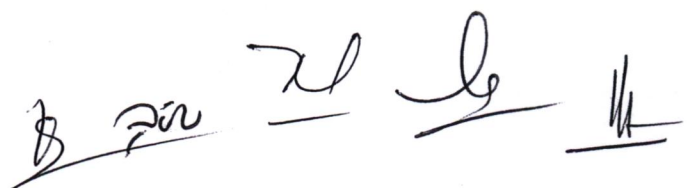
Điều 40. Chế độ kế toán

1. Công ty sử dụng Chế độ kế toán Việt Nam (VAS) hoặc bất kỳ chế độ kế toán nào khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt, lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

XIV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 41. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 43 Điều lệ này. Trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp báo cáo tài chính hằng năm cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm: Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính; Bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng và quý theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.
3. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng và quý của Công ty được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.



Điều 42. Báo cáo thường niên và công bố thông tin

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Công ty phải thực hiện công bố thông tin ra công chúng theo những quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và của Luật Doanh nghiệp.

XV. KIỂM TOÁN CÔNG TY**Điều 43. Kiểm toán**

1. Đại hội cổ đông thường niên thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định lựa chọn một trong số các công ty này để tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng Quản trị.
2. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo kế toán hằng năm cho công ty kiểm toán độc lập được lựa chọn lập sau khi kết thúc mỗi năm tài chính.
3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình cho Hội đồng Quản trị trước Đại hội cổ đông thường niên một (01) tháng.
4. Bản sao của báo cáo kiểm toán phải được gửi đính kèm với bản báo cáo tài chính năm của Công ty.
5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự Đại hội cổ đông, được nhận các thông báo, tài liệu liên quan đến Đại hội nếu có yêu cầu và được phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

XVI. CON DẤU**Điều 44. Con dấu**

1. Công ty có con dấu chính thức, được đăng ký theo quy định của pháp luật.
2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ**Điều 45. Chấm dứt hoạt động**

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - a. Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - c. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng Quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

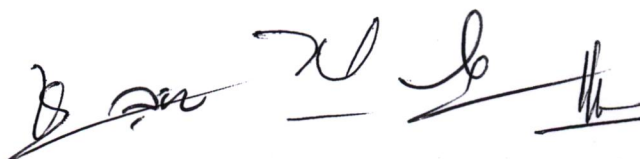
Điều 46. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng Quản trị phải thành lập Ban Thanh lý gồm ba (03) thành viên trong đó có hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng Quản trị chỉ định từ một Công ty kiểm toán độc lập. Ban Thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên Ban Thanh lý có thể được lựa chọn từ các nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban Thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và bắt đầu hoạt động của Ban. Kể từ thời điểm đó, Ban Thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Tiền lương và phí bảo hiểm cho người lao động;
 - c. Thuế và các khoản nộp cho Nhà nước;
 - d. Các khoản vay (nếu có);
 - e. Các khoản nợ khác của Công ty;
 - f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến mục (e) trên đây được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XVIII. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 47. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định giữa:
 - a. Cổ đông với Công ty;
 - b. Cổ đông với Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người quản lý cấp cao,Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể chỉ định một bên thứ ba làm trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.
2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.



3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của tòa án.

XIX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 48. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

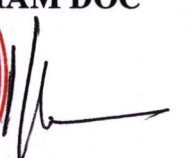
1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XX. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 49. Ngày hiệu lực

1. Điều lệ này gồm 20 Chương và 50 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh nhất trí thông qua ngày 18 tháng 4 năm 2017 tại Thành phố Hồ Chí Minh và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này từ 01/08/2017.
2. Điều lệ này được lập thành 10 bản có giá trị như nhau, trong đó:
 - 01 bản nộp cho Phòng Công chứng Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh;
 - 05 bản nộp cho Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh và các cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
 - Số bản còn lại lưu tại Văn phòng Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị mới có giá trị.

Điều 50. Chữ ký của người Đại diện theo pháp luật của Công ty.


TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN HOÀNG NGÂN